

GIÁM SÁT ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI NGƯỜI PHẠM TỘI TRONG PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

LÊ PHẠM THÙY LINH
NGUYỄN THỊ THANH TRÂM
DƯƠNG THỊ XUÂN QUỲ
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 01/5/2026. Sửa chữa xong 15/5/2026. Duyệt đăng 19/5/2026.

Abstract

Electronic monitoring of offenders is increasingly becoming a common trend in modern criminal justice, serving as an alternative to or support for imprisonment. This article examines the experience of applying this measure in selected countries, clarifies its advantages and limitations, and analyzes the possibility of adopting it in Vietnam. On that basis, it proposes recommendations for improving the legal framework in order to enhance the effectiveness of criminal sentence enforcement and safeguard human rights in the context of digital transformation.

Keywords: Community management, criminal policy, electronic monitoring, international experience, restorative justice, social reintegration.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, tình hình tội phạm có xu hướng diễn biến ngày càng phức tạp, đặt ra nhiều thách thức đối với công- tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm và quản lý người phạm tội. Trong khi đó, các biện pháp xử lý truyền thống, tuy vẫn giữ vai trò quan trọng nhưng đã bộc lộ một số hạn chế nhất định như gây quá tải hệ thống trại giam, chi phí cao và ảnh hưởng đến khả năng tái hòa nhập xã hội của người chấp hành án.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã áp dụng các biện pháp quản lý người phạm tội hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ, trong đó giám sát điện tử được xem là một giải pháp hiệu quả nhằm thay thế hoặc hỗ trợ hình phạt tù. Thực tiễn cho thấy biện pháp này không chỉ góp phần giảm tải hệ thống giam giữ mà còn nâng cao hiệu quả kiểm soát người phạm tội trong cộng đồng, đồng thời tạo điều kiện để họ duy trì các mối quan hệ xã hội và tái hòa nhập. Tuy nhiên, việc triển khai giám sát điện tử cũng đặt ra những vấn đề cần giải quyết như bảo đảm quyền riêng tư, quản lý dữ liệu và xây dựng cơ chế giám sát phù hợp.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, Việt Nam cần nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia trong việc áp dụng các biện pháp quản lý người phạm tội hiện đại, nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự và nâng cao hiệu quả thi hành án. Hiện nay, các biện pháp xử lý người phạm tội tại Việt Nam chủ yếu vẫn dựa trên các hình phạt truyền thống, đặc biệt là hình phạt tù, trong khi tại nhiều quốc gia trên thế giới, giám sát điện tử đã được áp dụng như một biện pháp thay thế hoặc hỗ trợ, cho phép kiểm soát người phạm tội trong cộng đồng thông qua các thiết bị công nghệ. Từ thực tiễn đó, việc nghiên cứu quy định và kinh nghiệm áp dụng giám sát điện tử ở một số quốc gia là cần thiết, qua đó rút ra những giá trị tham khảo cho Việt Nam trong việc định hướng hoàn thiện pháp luật và xem xét khả năng áp dụng biện pháp này trong thời gian tới.

Lời cảm ơn: Bài báo được thực hiện bởi đề tài nghiên cứu mã số SV2025-TN06-59 của Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên.

Email: quydtx@tnus.edu.vn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm về giám sát điện tử

Trong khoa học pháp lý và thực tiễn tư pháp hình sự quốc tế, giám sát điện tử (Electronic Monitoring – EM) là việc sử dụng công nghệ để theo dõi, kiểm soát người bị áp dụng trong khuôn khổ tư pháp hình sự. Trên bình diện quốc tế, theo Khuyến nghị CM/Rec(2014)4 của Hội đồng Châu Âu, giám sát điện tử được hiểu là thuật ngữ chung chỉ các hình thức giám sát từ xa bằng công nghệ nhằm theo dõi vị trí, sự di chuyển và hành vi của cá nhân trong quá trình tố tụng hoặc thi hành án hình sự. Các hình thức phổ biến gồm giám sát bằng sóng vô tuyến (Radio Frequency - RF) để kiểm soát việc tuân thủ lệnh giới nghiêm và giám sát bằng hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System - GPS) nhằm theo dõi, kiểm soát phạm vi di chuyển của người bị áp dụng. Đây là biện pháp quản lý không tước bỏ hoàn toàn quyền tự do, cho phép người bị áp dụng tiếp tục sinh hoạt trong xã hội dưới giám sát của cơ quan có thẩm quyền, hướng tới mục tiêu kiểm soát rủi ro, phòng ngừa tái phạm và hỗ trợ tái hòa nhập xã hội.

Trong pháp luật của nhiều quốc gia, giám sát điện tử đã được ghi nhận và áp dụng phổ biến như một biện pháp thay thế hoặc hỗ trợ hình phạt tù. Tại Vương quốc Anh, giám sát điện tử được áp dụng như một công cụ hỗ trợ trong quản lý người phạm tội với tư cách biện pháp ngăn chặn, hình phạt và biện pháp tư pháp, nhằm tăng cường hiệu quả giám sát trong cộng đồng, giảm áp lực lên hệ thống nhà tù và tối ưu hóa chi phí thi hành án hình sự (Ministry of Justice UK, 2023, tr. 3). Tại các quốc gia Bắc Âu như Thụy Điển, biện pháp này được triển khai theo hướng nhân đạo, chú trọng hỗ trợ NPT duy trì cuộc sống bình thường và tái hòa nhập xã hội (Penal Reform International, n.d.). Trong khi đó, Hàn Quốc áp dụng GSĐT với tính chất kiểm soát chặt chẽ hơn, tập trung vào một số nhóm tội phạm có nguy cơ tái phạm cao, đặc biệt là tội phạm tình dục, giết người, cướp tài sản (Confederation of European Probation, n.d.). Mặc dù có sự khác biệt về cách thức áp dụng, điểm chung giữa các quốc gia là coi giám sát điện tử như một công cụ giúp cân bằng giữa yêu cầu kiểm soát của Nhà nước và việc bảo đảm quyền tự do cá nhân.

Tại Việt Nam, theo khoản 1 Điều 139 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024, giám sát điện tử được xác định là một biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam, được thực hiện thông qua thiết bị điện tử dùng để theo dõi, thu thập và truyền dữ liệu, gắn trên người hoặc đồ vật mà người bị giám sát phải mang theo. So với một số quốc gia, quy định này cho thấy giám sát điện tử tại Việt Nam hiện mới được áp dụng trong phạm vi hạn chế, với đối tượng bị giám sát là người chưa thành niên phạm tội.

Từ các cách tiếp cận trên có thể thấy, mặc dù có sự khác biệt về phạm vi và mức độ áp dụng, các quan niệm về giám sát điện tử đều có những điểm chung cơ bản: 1) Sử dụng thiết bị và công nghệ để theo dõi, kiểm soát vị trí hoặc hành vi; 2) Có thể được áp dụng trong bất kỳ giai đoạn nào của quá trình tố tụng; 3) Hướng tới mục tiêu bảo đảm việc tuân thủ nghĩa vụ pháp lý của người bị áp dụng; 4) Đặt ra yêu cầu bảo đảm tính hợp pháp, cần thiết, tương xứng và tôn trọng quyền con người. Bên cạnh đó, sự khác biệt chủ yếu nằm ở việc nhấn mạnh yếu tố kỹ thuật hay chức năng pháp lý, cũng như mức độ coi giám sát điện tử là biện pháp ngăn chặn hay biện pháp thay thế, hỗ trợ hình phạt tù.

Trên cơ sở kế thừa có chọn lọc các quan niệm trên, giám sát điện tử đối với người phạm tội là biện pháp sử dụng thiết bị điện tử và hệ thống công nghệ để theo dõi, kiểm soát việc chấp hành các nghĩa vụ pháp lý của người bị áp dụng trong khuôn khổ tố tụng hình sự hoặc thi hành án hình sự, nhằm quản lý rủi ro, phòng ngừa vi phạm, bảo đảm an ninh xã hội và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng. Theo cách hiểu này, giám sát điện tử không chỉ là một công cụ kỹ thuật mà còn là một biện pháp pháp lý quan trọng, phản ánh xu hướng chuyển dịch của tư pháp hình sự hiện đại từ mô hình giam giữ sang quản lý người phạm tội trong cộng đồng dựa trên ứng dụng công nghệ.

2.2. Giám sát điện tử tại một số quốc gia

Trong bối cảnh các quốc gia ngày càng đẩy mạnh cải cách tư pháp hình sự theo hướng giảm phụ thuộc vào hình phạt tù, giám sát điện tử được triển khai với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trên cơ sở sự khác biệt về mục tiêu chính sách và phương thức tổ chức thực hiện giám sát điện tử, có thể phân chia thành ba mô hình để nghiên cứu so sánh: mô hình giảm tải áp lực nhà tù, mô hình tư pháp phục hồi kết hợp tái hòa nhập xã hội và mô hình kiểm soát xã hội kết hợp phòng ngừa tái phạm.

2.2.1. Mô hình giảm tải áp lực nhà tù (quốc gia tiêu biểu là Hoa Kỳ và Vương quốc Anh)

Ở mô hình này, giám sát điện tử được áp dụng nhằm giảm tải tình trạng quá tải nhà tù, dựa trên nền tảng hệ thống pháp luật dựa nhiều vào án lệ và chính sách hình sự mang tính thực tiễn. Biện pháp này thay thế một phần hình phạt tù bằng việc giám sát trong cộng đồng với chi phí thấp hơn nhưng vẫn duy trì được sự kiểm soát cần thiết.

Đối tượng áp dụng chủ yếu là người phạm tội có mức độ nguy hiểm thấp đến trung bình, đặc biệt là các tội không sử dụng hoặc không trực tiếp sử dụng vũ lực, không gây tổn hại thân thể nghiêm trọng cho người khác. Tại Hoa Kỳ, phạm vi còn được mở rộng sang lĩnh vực di trú, trong khi Vương quốc Anh tập trung vào người chấp hành án treo và người sắp chấp hành xong án phạt tù. Phạm vi áp dụng khá linh hoạt và trải dài ở nhiều giai đoạn.

Về cơ chế vận hành, cả hai quốc gia đều dựa trên quyết định của Tòa án. Hoa Kỳ nhấn mạnh vai trò của Tòa án và nguyên tắc cá thể hóa hình phạt - theo đó hình phạt phải được xác định phù hợp với từng người phạm tội cụ thể, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vương quốc Anh linh hoạt hơn khi kết hợp giữa quản lý của Nhà nước và sự tham gia của khu vực tư nhân trong cung cấp thiết bị và vận hành hệ thống. Người bị giám sát được bảo đảm các quyền cơ bản, nhưng phải tuân thủ nghiêm các nghĩa vụ như chấp hành lệnh giới nghiêm, không được rời khỏi khu vực cho phép và không can thiệp vào thiết bị giám sát.

Một khi người bị giám sát điện tử vi phạm nghĩa vụ, tùy thuộc vào mức độ vi phạm có thể bị áp dụng các biện pháp từ cảnh cáo, siết chặt điều kiện giám sát đến đình chỉ áp dụng và chuyển sang buộc chấp hành hình phạt tù.

Về ưu điểm, tại Hoa Kỳ, theo Cục thống kê tư pháp Hoa Kỳ, hệ thống giám sát cộng đồng (tương đương giám sát, tha tù trước thời hạn có điều kiện và giám sát sau thi hành án theo pháp luật Việt Nam) hiện quản lý hơn 3,7 triệu người mỗi năm, trong đó giám sát điện tử được áp dụng cho hàng trăm nghìn trường hợp, tập trung mạnh tại California, Texas và Florida (Bureau of Justice Statistics, 2023). Thực tiễn cho thấy biện pháp này góp phần giảm tải nhà tù, giảm khoảng 10–20% tỷ lệ giam giữ ngắn hạn ở một số nhóm đối tượng và tiết kiệm chi phí vận hành hệ thống tư pháp từ 30–50% so với giam giữ truyền thống. Tại Vương quốc Anh, theo Bộ Tư pháp Anh, mỗi năm có khoảng 50.000 đến 70.000 trường hợp được áp dụng giám sát điện tử (chủ yếu dưới hình thức lệnh giới nghiêm tại nhà - tương đương biện pháp cấm rời khỏi nơi cư trú có giám sát bằng thiết bị điện tử), kết hợp linh hoạt giữa công nghệ và quản lý của Cơ quan thi hành án (UK Ministry of Justice, 2025). Các nghiên cứu thực tiễn cho thấy biện pháp giúp giảm chi phí khoảng 1/3 đến 1/2 so với án tù ngắn hạn và hạn chế tái phạm ở nhóm người phạm tội có nguy cơ tái phạm thấp. Những kết quả này cho thấy mục đích kiểm soát rủi ro và hỗ trợ tái hòa nhập đã được thực hiện hợp lý trong thực tiễn tại hai quốc gia.

Bên cạnh đó, sự khác biệt trong cách tiếp cận (Hoa Kỳ thiên về quy định pháp lý cụ thể và cơ chế tư pháp mạnh, Vương quốc Anh linh hoạt hơn dựa trên nguyên tắc nhân quyền) cũng mang lại giá trị tham chiếu. Tuy nhiên, biện pháp cũng đặt ra hạn chế khi việc giám sát liên tục có thể ảnh hưởng đến quyền riêng tư và tâm lý người bị giám sát, đòi hỏi phải phù hợp với mức độ nghiêm trọng của tội phạm, không được lạm dụng gây xâm phạm quá mức và có cơ chế kiểm soát chặt chẽ để cân bằng giữa an ninh xã hội với quyền con người.

Nhìn chung, kinh nghiệm Hoa Kỳ và Vương quốc Anh khẳng định giám sát điện tử là giải pháp trung gian hiệu quả trong hệ thống hình phạt hiện đại, nhưng chỉ phát huy tối đa giá trị khi được đặt trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng, có cơ chế kiểm soát tư pháp và bảo vệ quyền con người chặt chẽ.

2.2.2. Mô hình tư pháp phục hồi và tái hòa nhập xã hội (quốc gia tiêu biểu là Thụy Điển và Na Uy)

Mô hình giám sát điện tử trong tư pháp phục hồi và tái hòa nhập xã hội tại Thụy Điển và Na Uy được xây dựng trên nền tảng của mô hình nhà nước phúc lợi Bắc Âu, trong đó mục tiêu trung tâm không phải là trừng phạt mà là giúp người phạm tội duy trì cuộc sống bình thường và tái hòa nhập cộng đồng. Biện pháp này chủ yếu áp dụng đối với những người thực hiện hành vi phạm tội gây hậu

quả không lớn cho xã hội, thường không mang tính bạo lực nghiêm trọng, có nhân thân tương đối tốt và khả năng tự cải tạo cao, có nơi cư trú ổn định, không áp dụng với các trường hợp phạm tội bạo lực nghiêm trọng, tội xâm phạm tình dục hoặc tái phạm nhiều lần.

Về phạm vi áp dụng, giám sát điện tử chủ yếu được sử dụng để thay án phạt tù có thời hạn ngắn hoặc hỗ trợ giai đoạn cuối của quá trình chấp hành án, qua đó giảm số lượng người phải vào nhà tù và tạo điều kiện chuyển tiếp có kiểm soát ra cộng đồng. Việc áp dụng do Cơ quan thi hành án hình sự trực tiếp xem xét từng người phạm tội một cách riêng biệt, đánh giá cụ thể tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi; khả năng tái phạm; nhân thân người phạm tội; hoàn cảnh sống, nghề nghiệp, các điều kiện xã hội của họ; sự đồng thuận của gia đình và khả năng tham gia lao động hoặc học tập để quyết định có cho áp dụng biện pháp giám sát điện tử hay không và áp dụng ở mức độ nào.

Cơ chế vận hành dựa trên sự kết hợp giữa thiết bị giám sát bằng công nghệ tần số vô tuyến (RF), ấn định thời gian bắt buộc người bị giám sát phải ở tại nơi cư trú theo lịch trình được kiểm soát bằng thiết bị giám sát điện tử, cùng với việc cán bộ giám sát giữ vai trò chủ đạo trong việc theo dõi, quản lý, hỗ trợ và đánh giá quá trình chấp hành của người bị giám sát. Song song với việc kiểm soát, hệ thống này tích hợp các dịch vụ hỗ trợ xã hội như đào tạo nghề, tư vấn tâm lý và hỗ trợ việc làm, nhằm bảo đảm quá trình cải tạo diễn ra thực chất. Người bị giám sát có quyền tham gia vào việc lập kế hoạch chấp hành án và thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật; đồng thời có nghĩa vụ tuân thủ đầy đủ thời gian, địa điểm đã được ấn định; không vi phạm quy định về thời gian phải có mặt tại nơi cư trú và chấp hành các chương trình hỗ trợ, cải tạo theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Khi có vi phạm, Cơ quan thi hành án hình sự áp dụng các biện pháp từ cảnh cáo, siết chặt điều kiện giám sát đến đình chỉ áp dụng và chuyển sang buộc chấp hành hình phạt tù. Nhìn chung, mô hình này thể hiện rõ triết lý tư pháp phục hồi Bắc Âu: giảm thiểu tác hại của hình phạt tù, ưu tiên tái hòa nhập xã hội và cá thể hóa việc xử lý người phạm tội.

Về ưu điểm, Tại Thụy Điển, theo báo cáo thường niên năm 2024 của Cơ quan Quản lý Nhà tù và Thi hành án cộng đồng (Kriminalvården) (Confederation of European Probation, 2024), cùng một thời điểm có khoảng trên 700 người đang được áp dụng giám sát điện tử, chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số án tù ngắn hạn, đặc biệt tại Stockholm, Gothenburg và Malmö. Biện pháp giúp giảm đáng kể số lượng người phạm tội, giảm tỷ lệ tái phạm, tăng tỷ lệ có việc làm ổn định, cải thiện thu nhập và tạo tác động tích cực đến con cái về kết quả học tập cũng như thu nhập sau này; chi phí thực hiện chỉ bằng khoảng 1/4 đến 1/3 so với giam giữ truyền thống, mang lại lợi ích kinh tế - xã hội ước tính gấp 7 lần chi phí tiết kiệm trực tiếp. Tại Na Uy, khoảng 330–350 người đang được giám sát điện tử đồng thời với hơn 20.000 người từng tham gia từ năm 2008 (Kriminalomsorgsdirektoratet, 2024); chỉ ra giảm tỷ lệ tái phạm sau hai năm khoảng 10% tổng thể và lên đến 19% ở nhóm thực sự chấp hành, đặc biệt nghiên cứu quasi-experimental (Andersen & Telle, 2016) hiệu quả với người chưa từng vào tù hoặc có việc làm ổn định, đồng thời góp phần giảm áp lực ngân sách nhà tù.

Tuy nhiên, biện pháp cũng tồn tại một số hạn chế khi phụ thuộc vào điều kiện xã hội ổn định (nơi ở, nghề nghiệp, sự đồng ý của gia đình), dẫn đến loại trừ nhóm yếu thế như người vô gia cư, thất nghiệp hoặc gia đình rạn nứt, vô hình chung biến điều kiện kinh tế - xã hội trở thành yếu tố quyết định hình thức thi hành án. Ngoài ra, việc triển khai giám sát điện tử đòi hỏi nguồn lực lớn từ các cán bộ quản chế cho kế hoạch áp dụng biện pháp cá nhân hóa đối với người phạm tội, thăm nhà ngẫu nhiên và hỗ trợ tâm lý, gây áp lực về nhân sự và ngân sách; dù công nghệ RF ít xâm phạm hơn GPS, vấn đề bảo vệ dữ liệu cá nhân vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để cân bằng giữa an ninh xã hội và quyền riêng tư.

Trong bối cảnh cải cách tư pháp hình sự theo hướng nhân đạo và tái hòa nhập cộng đồng, giám sát điện tử đã trở thành công cụ quan trọng tại Thụy Điển và Na Uy, đánh dấu sự chuyển dịch từ tư duy trừng phạt bằng cách ly sang quản lý tội phạm trong môi trường xã hội.

2.2.3. Mô hình kiểm soát kết hợp phòng ngừa tái phạm (quốc gia tiêu biểu là Hàn Quốc và Nhật Bản)

Giám sát điện tử tại Nhật Bản và Hàn Quốc được xây dựng theo mô hình kiểm soát xã hội gắn với phòng ngừa tái phạm, trong đó mục đích chính không phải thay thế hình phạt tù mà là kiểm soát chặt

chế người phạm tội để bảo vệ cộng đồng. Biện pháp này tập trung vào các đối tượng phạm tội nghiêm trọng như tội phạm tình dục, bạo lực hoặc người có khả năng tái phạm cao, trên cơ sở đánh giá mức độ và tính chất hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của từng cá nhân. Việc áp dụng do Tòa án hoặc Cơ quan có thẩm quyền quyết định, kèm theo hệ thống theo dõi bằng thiết bị định vị GPS và sự quản lý trực tiếp của cán bộ quản chế.

Về phạm vi, Hàn Quốc áp dụng rộng hơn, áp dụng kèm theo án treo, thay thế cho phần hình phạt tù chưa chấp hành, và cả giai đoạn sau khi chấp hành xong bản án; trong khi Nhật Bản áp dụng hẹp hơn, chủ yếu trong giai đoạn bảo lãnh trước xét xử để ngăn ngừa người phạm tội bỏ trốn. Điểm chung là cả hai nước đều không sử dụng biện pháp này một cách đại trà mà chỉ áp dụng có chọn lọc đối với nhóm có nguy cơ tái phạm cao.

Về cách vận hành, hệ thống được tổ chức theo hướng Nhà nước kiểm soát toàn bộ: từ quyết định áp dụng, theo dõi dữ liệu đến xử lý vi phạm. Công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ, còn cán bộ quản chế giữ vai trò trung tâm trong việc giám sát và làm việc trực tiếp với người bị áp dụng. Khi vi phạm, các biện pháp xử lý từ cảnh cáo, siết chặt điều kiện giám sát đến đình chỉ áp dụng và chuyển sang buộc chấp hành hình phạt tù. Sự khác biệt rõ nhất nằm ở cách tiếp cận: Hàn Quốc thiên về kiểm soát mạnh và mở rộng áp dụng để giảm tái phạm, còn Nhật Bản thận trọng, ưu tiên kiểm soát trong từng trường hợp cụ thể.

Trong thực tiễn, giám sát điện tử tại Hàn Quốc và Nhật Bản cho thấy hiệu quả rõ rệt nhưng cũng bộc lộ một số hạn chế. Tại Hàn Quốc, theo số liệu chính thức của Bộ Tư pháp Hàn Quốc và Viện Nghiên cứu Hình sự Hàn Quốc (KICJ), tỷ lệ tái phạm đã giảm mạnh sau khi áp dụng từ năm 2008: tội phạm tình dục từ 14,1% xuống khoảng 1,6%; tội giết người từ 4,9% xuống 0,03%; tội cướp giật từ 14,9% xuống khoảng 0,19–0,2% (Ministry of Justice Korea Correctional Service, n.d.).

Về ưu điểm, biện pháp này giúp giảm đáng kể tỷ lệ tái phạm ở nhóm người phạm tội có nguy cơ tái phạm cao, tăng hiệu quả kiểm soát người phạm tội trong cộng đồng và tiết kiệm chi phí, khi chi phí giám sát chỉ bằng khoảng 1/4–1/3 so với giam giữ. Đồng thời, việc theo dõi vị trí 24/7 bằng thiết bị GPS cho phép phát hiện và can thiệp kịp thời khi có dấu hiệu vi phạm, góp phần bảo vệ an ninh xã hội.

Tuy nhiên, nhược điểm là giám sát điện tử chỉ kiểm soát vị trí, không kiểm soát trực tiếp hành vi nên vẫn tồn tại nguy cơ tái phạm; đồng thời đòi hỏi nguồn lực lớn về nhân sự và kỹ thuật, gây áp lực lên hệ thống giám sát. Tại Nhật Bản, theo các báo cáo triển khai của Bộ Tư pháp Nhật Bản, giám sát điện tử mới được áp dụng hạn chế từ năm 2023, chủ yếu trong giai đoạn tiền xét xử với quy mô vài trăm trường hợp mỗi năm. Biện pháp này có ưu điểm là kiểm soát hiệu quả nguy cơ bỏ trốn của người phạm tội và thể hiện tính thận trọng, nhưng hạn chế ở quy mô nhỏ và chưa có đủ dữ liệu đánh giá hiệu quả dài hạn về giảm tỷ lệ tái phạm ở người phạm tội. Nhìn chung, đây là công cụ nhằm tăng hiệu quả quản lý người phạm tội ngoài nhà tù, đồng thời giảm nguy cơ gây hại cho xã hội.

2.3. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Theo báo cáo, tổng số phạm nhân đang chấp hành án tại các trại giam, trại tạm giam và cơ sở giam giữ trên cả nước khoảng 190.000 người (Bộ Công an, 2025), riêng đợt đặc xá dịp 30/4/2025 có 8.056 phạm nhân được đặc xá, chiếm trên 4% tổng số phạm nhân đang bị giam giữ. Những con số này cho thấy quy mô hệ thống trại giam của Việt Nam hiện đang ở mức rất lớn, kéo theo áp lực đáng kể đối với cơ sở vật chất, nguồn nhân lực quản lý và chi phí ngân sách dành cho công tác thi hành án hình sự. Thực tiễn cho thấy, mặc dù chính sách đặc xá được triển khai định kỳ nhằm giảm tải hệ thống, song tình trạng quá tải cục bộ vẫn tồn tại, đồng thời việc bảo đảm mục tiêu giáo dục, cải tạo và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho người chấp hành án vẫn còn gặp nhiều hạn chế. Theo dữ liệu của World Prison Brief, tính đến 6/2022, Việt Nam có 133986 phạm nhân, tương ứng 135 phạm nhân/100.000 dân, trong đó tỷ lệ người bị tạm giam chiếm khoảng 11,5% (World Prison Brief, 2022). Sự gia tăng về số lượng phạm nhân qua các giai đoạn phản ánh xu hướng mở rộng áp dụng hình phạt tù trong thực tiễn, đồng thời đặt ra yêu cầu phải đổi mới phương thức quản lý người chấp hành án theo hướng hiệu quả và bền vững hơn. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục phụ thuộc chủ yếu vào mô hình giam giữ truyền thống không chỉ làm gia tăng gánh nặng ngân sách nhà nước mà còn hạn chế khả năng duy trì các mối liên

kết xã hội của người phạm tội – yếu tố có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình tái hòa nhập và phòng ngừa tái phạm.

Về phương diện pháp lý, biện pháp giám sát điện tử đã bước đầu được ghi nhận trong hệ thống pháp luật Việt Nam, tuy nhiên phạm vi và mức độ áp dụng còn hạn chế, chủ yếu tập trung đối với người chưa thành niên phạm tội, trong khi đối với người đã thành niên vẫn chưa được quy định. Cụ thể, theo Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), giám sát điện tử được xác định là biện pháp ngăn chặn thay thế tạm giam, áp dụng đối với người chưa thành niên là bị can, bị cáo trong những trường hợp nhất định. Các quy định chi tiết về điều kiện áp dụng, phạm vi giám sát, trình tự, thủ tục và cơ chế tổ chức thực hiện được hướng dẫn tại Nghị định số 333/2025/NĐ-CP ngày 18/12/2025 quy định chi tiết một số biện pháp xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; trách nhiệm, trình tự, thủ tục xử lý chuyển hướng tại cộng đồng; áp dụng biện pháp giám sát điện tử và tái hòa nhập cộng đồng đối với người chưa thành niên phạm tội. Tuy nhiên, các quy định từ Điều 14 đến Điều 18 của Nghị định này về thực hiện việc áp dụng giám sát điện tử sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2028 do đó vẫn chưa được triển khai trên thực tế. Đối với người đã thành niên phạm tội, mặc dù Luật Thi hành án hình sự năm 2025 (có hiệu lực từ 01/07/2026) đã đề cập đến việc ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác quản lý người chấp hành án tại cộng đồng, song chưa có quy định về giám sát điện tử. Vì vậy, việc quản lý hiện nay vẫn chủ yếu dựa vào các phương thức truyền thống, chưa tận dụng được lợi thế của công nghệ trong nâng cao hiệu quả giám sát và hỗ trợ tái hòa nhập.

Trong bối cảnh đó, việc tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia đã triển khai hiệu quả biện pháp giám sát điện tử là cần thiết nhằm nhận diện các mô hình tổ chức, cơ chế vận hành phù hợp, qua đó làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật, từng bước triển khai biện pháp này tại Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và giảm tải cho hệ thống trại giam. Tuy nhiên, để bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi áp dụng, cần có quy định cụ thể về điều kiện áp dụng, phạm vi cũng như cơ chế tổ chức thực hiện và giám sát việc thi hành.

Vi những lẽ trên, nhóm tác giả đề xuất xây dựng và hoàn thiện các điều kiện áp dụng biện pháp giám sát điện tử trong pháp luật Việt Nam như sau:

Thứ nhất, về hệ thống pháp luật, cần tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về giám sát điện tử theo hướng cụ thể, khả thi và bảo đảm quyền con người. Cần quy định rõ về đối tượng, điều kiện áp dụng, thời hạn, quyền và nghĩa vụ của người bị giám sát, cũng như trình tự, thủ tục thực hiện và cơ chế xử lý vi phạm theo nguyên tắc cá thể hóa và tương xứng với tính chất và mức độ của hành vi phạm tội. Đồng thời, cần bổ sung các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, giới hạn thời gian lưu trữ thông tin, cơ chế khiếu nại và giám sát độc lập nhằm bảo đảm tính minh bạch và phòng ngừa lạm dụng giám sát điện tử. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan nhà nước với gia đình và cộng đồng, đồng thời có chính sách hỗ trợ về việc làm, học nghề đối với người bị giám sát, đặc biệt là người chưa thành niên và các nhóm yếu thế.

Thứ hai, về chính sách, cần xây dựng mô hình giám sát điện tử theo hướng kết hợp giữa kiểm soát và hỗ trợ tái hòa nhập. Việc áp dụng nên ưu tiên đối với người chưa thành niên, người phạm tội lần đầu hoặc người phạm tội ít nghiêm trọng đồng thời mở rộng dần trong các giai đoạn thi hành án tại cộng đồng và tha tù trước thời hạn có điều kiện. Việc triển khai cần bảo đảm tính chọn lọc, tránh mở rộng kiểm soát không cần thiết, đồng thời tăng cường sự tham gia của gia đình, cộng đồng và các thiết chế an sinh xã hội.

Thứ ba, về yếu tố con người, cần chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ thực hiện giám sát điện tử có năng lực chuyên môn toàn diện, kết hợp giữa kiến thức pháp luật, kỹ năng xã hội và hiểu biết tâm lý. Lực lượng trực tiếp quản lý tại địa phương cần được đào tạo theo hướng tiếp cận “giám sát gắn với hỗ trợ”, không chỉ thực hiện kiểm soát kỹ thuật mà còn đóng vai trò hỗ trợ tái hòa nhập cho người bị giám sát. Đồng thời, cần bảo đảm chế độ đãi ngộ phù hợp và đẩy mạnh truyền thông nhằm giảm kỳ thị xã hội.

Thứ tư, về lộ trình triển khai, cần xây dựng kế hoạch thí điểm có kiểm soát tại các địa phương có điều kiện thuận lợi như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh... trên cơ sở đánh giá định kỳ để hoàn thiện và mở rộng mô hình.

Thứ năm, về tổ chức thực hiện, cần nghiên cứu xây dựng Trung tâm Giám sát điện tử quốc gia theo hướng tích hợp dữ liệu liên ngành, kết nối giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan thi hành án. Đây sẽ là nền tảng quan trọng giúp nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường khả năng giám sát, đồng thời hỗ trợ công tác phòng ngừa tái phạm và giảm tải cho hệ thống trại giam truyền thống. Việc tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, kết hợp với điều kiện thực tiễn trong nước, sẽ góp phần đưa giám sát điện tử trở thành một công cụ hiệu quả trong xây dựng hệ thống tư pháp hình sự hiện đại, nhân văn và bền vững.

3. Kết luận

Giám sát điện tử đại diện cho xu hướng chuyển dịch từ hình phạt tù truyền thống sang quản lý người phạm tội trong cộng đồng bằng công nghệ. Qua nghiên cứu kinh nghiệm tại các nước có thể thấy biện pháp này mang lại nhiều ưu điểm nổi bật như giảm chi phí thi hành án, hạn chế tỷ lệ tái phạm ở một số nhóm đối tượng và tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tái hòa nhập xã hội, đồng thời tôn trọng quyền con người.

Tuy nhiên, việc áp dụng cũng tồn tại hạn chế như vấn đề quyền riêng tư, yêu cầu nguồn lực lớn về nhân sự và công nghệ, cũng như nguy cơ bất bình đẳng khi phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của người bị giám sát. Tại Việt Nam, với số lượng phạm nhân lớn và áp lực quá tải trại giam, việc nghiên cứu tiếp thu kinh nghiệm quốc tế để xây dựng khung pháp lý về giám sát điện tử là cần thiết và cấp thiết.

Giám sát điện tử không phải là giải pháp thay thế hoàn toàn hình phạt tù mà là công cụ hỗ trợ quan trọng, cần được triển khai theo nguyên tắc của pháp luật, chọn lọc, kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát và hỗ trợ tái hòa nhập. Việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo cán bộ và thí điểm có kiểm soát sẽ góp phần xây dựng hệ thống tư pháp hình sự Việt Nam hiện đại, nhân văn, hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế trong bối cảnh mới.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Công an (2025). *Công bố Quyết định đặc xá năm 2025 của Chủ tịch nước cho hơn 8.000 phạm nhân*. <https://bocongan.gov.vn/bai-viet/cong-bo-quyet-dinh-dac-xa-nam-2025-cua-chu-tich-nuoc-cho-hon-8000-pham-nhan-d2-t44813>
- Bureau of Justice Statistics. (2023). *Probation and Parole in the United States, 2023*. <https://bjs.ojp.gov/library/publications/probation-and-parole-united-states-2023>.
- Confederation of European Probation. (n.d.). *The recent development in Korean electronic monitoring*. <https://www.cep-probation.org/the-recent-development-in-korean-electronic-monitoring/>.
- Andersen, S. N., & Telle, K. (2016). *Electronic monitoring and recidivism: Quasi-experimental evidence from Norway*. <https://www.econstor.eu/bitstream/10419/192826/1/dp844.pdf>.
- Kriminalomsorgsdirektoratet. (2024). *Nøkkeltall fra kriminalomsorgen – mai 2024*. <https://kommunikasjon.ntb.no/pressemelding/18147157/nokkeltall-fra-kriminalomsorgen-mai-2024>.
- Confederation of European Probation. (2024). *Electronic monitoring 2024 report on the CEP questionnaire on electronic monitoring*. <https://www.cep-probation.org/wp-content/uploads/2024/12/CEP-13th-Electronic-Monitoring-questionnaire-report-2024-final.pdf>.
- Ministry of Justice UK. (2023). *Electronic monitoring strategy update*. https://assets.publishing.service.gov.uk/media/64ef6cff6b-c96d000d4ed347/Eletronic_Monitoring_strategy_update.pdf.
- Ministry of Justice Korea Correctional Service. (n.d.). *Official webpage on electronic monitoring*. <https://www.corrections.go.kr/moj/169/subview.do>.
- Penal Reform International. (n.d.). *Old and new uses of electronic monitoring in Sweden*. <https://www.crimeandjustice.org.uk/old-and-new-uses-electronic-monitoring-sweden>.
- UK Ministry of Justice. (2025). *Electronic monitoring statistics publication (December 2025)*. <https://www.gov.uk/government/statistics/electronic-monitoring-statistics-publication-december-2025?>
- World Prison Brief. (2022). *Vietnam – Prison population data*, <https://www.prisonstudies.org/country/vietnam>.